

TÓM TẮT TIỂU SỬ NHÂN VẬT, SỰ KIỆN THÀNH PHỐ CÀ MAU

01	• Tên nhân vật	PHẠM THỊ MAI
	• Phân loại	Mẹ Việt Nam Anh hùng
	• Nguồn tư liệu	Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cà Mau
		- Sinh năm 1913; - Mất năm 1997; - Nguyên quán: Xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; - Trú quán: Ấp 6, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; - Mẹ có 02 con là liệt sĩ hi sinh trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ; - Được Chủ tịch nước phong tặng tại Quyết định Số 1389/QĐ-CTN ngày 16/7/2015
02	• Tên nhân vật	TỔ HỮU
	• Phân loại	Nhân vật lịch sử
	• Nguồn tư liệu	Tài liệu của Ban Tuyên giáo Trung ương tuyên truyền kỷ niệm 100 năm ngày sinh của đồng chí Tổ Hữu
		Tổ Hữu tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, Bí danh là Lành, sinh ngày 4/10/1920 trong một gia đình có truyền thống cách mạng tại xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 12 tuổi mẹ mất; năm 13 tuổi vào học tại trường Quốc học Huế. Năm 1936, Tổ Hữu tham gia Đoàn Thanh niên Cộng sản và trở thành người lãnh đạo Đoàn thanh niên Dân chủ ở Huế; Năm 1937, Tổ Hữu gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1938, Đồng chí được cử vào Thành ủy Huế, phụ trách công tác tuyên truyền và thanh vận; Tháng 4/1939, bị thực dân Pháp bắt và kết án hai năm tù giam ở Huế. Do đấu tranh chống tra tấn, Đồng chí bị thực dân Pháp tăng án tù và đày đi Lao Bảo, rồi Buôn Ma Thuột, Quy Nhơn,... sau đó đi trại tập trung Đăk Lay (Kon Tum) trong nhiều năm. Tháng 3/1942, Đồng chí vượt ngục Đăk Lay về Huế, sau đó ra Hà Nội; cuối tháng 7/1942, bí mật vào Thanh Hóa hoạt động, gây dựng lại cơ sở cách mạng; Từ năm 1943 - 1945, làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa, tham gia Ban lãnh đạo chiến khu Quang Trung; sau ngày Nhật đảo chính Pháp (tháng 3/1945), được Trung ương phái vào tổ chức Ủy ban Khởi nghĩa ở các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế và liên lạc với các đồng chí hoạt động cách mạng ở Nam Trung Bộ. Tháng 8/1945, đồng chí Tổ Hữu làm Phó Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên - Huế; năm 1946, được điều ra Trung ương phụ trách công tác văn hóa và thanh niên; cuối năm 1946, về làm Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa. Từ năm 1947 - 1950, Đồng chí được Trung ương điều động lên Việt Bắc phụ trách công tác văn nghệ và làm Trưởng tiểu ban văn nghệ Trung ương; tháng 9/1950, Trung ương Đảng quyết định thành lập Ban Tuyên truyền do Tổng Bí thư Trường Chinh phụ trách; đồng chí Tổ Hữu được phân công làm Trưởng Ban. Năm 1951, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, đồng chí Tổ Hữu được bầu là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng; tháng 7/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 39-SL bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Nha thông tin thuộc Phủ Thủ tướng.

		Cuối năm 1954, Đồng chí được phân công làm Phó trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật; Năm 1960, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ban Bí thư Trung ương Đảng. Năm 1968, Đồng chí được phân công làm Trưởng ban Tuyên huấn và Trưởng ban Khoa học - Giáo dục Trung ương; Năm 1969, được phân công làm Giám đốc Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc Trung ương (từ năm 1977 là Giám đốc Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc); Năm 1972, được phân công kiêm Trưởng Ban Thống nhất Trung ương. Năm 1976, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, đồng chí Tổ Hữu được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được bầu là Ủy viên Dự khuyết Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng và được phân công làm Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương, Trưởng ban Khoa giáo Trung ương, Giám đốc Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc; Từ năm 1980, được bầu là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước; Năm 1981, được bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa VII, được Quốc hội cử giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Ủy viên Hội đồng Quốc phòng; Tháng 3/1982, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và giữ chức Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Bộ trưởng cho đến tháng 6/1986. Từ tháng 6/1986, được giao nhiệm vụ phụ trách công tác tư tưởng và văn hóa của Đảng; Tháng 10/1991, được Bộ Chính trị phân công tham gia tổng kết, nghiên cứu một số vấn đề về tư tưởng, văn hóa, giáo dục và khoa học. Đồng chí Tổ Hữu mất ngày 9/12/2002 tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108. Trong suốt cuộc đời gần 70 năm không ngừng nghỉ hoạt động cách mạng và làm thơ, đồng chí Tổ Hữu đã có công lao, thành tích to lớn trong sự nghiệp cách mạng; được Đảng, Nhà nước tặng thưởng <i>Huân chương Sao Vàng, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học - nghệ thuật</i>, nhiều huân chương, huy chương và phần thưởng cao quý khác.
03	• Tên nhân vật	NGUYỄN VĨNH NGHIỆP
	• Phân loại	Nhân vật lịch sử
	• Nguồn tư liệu	Từ điển nhân vật lịch sử/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh.- H: Giáo dục, 2004.- Tr.202-204
		Nguyễn Vĩnh Nghiệp (1930 - 2007) là một Anh hùng Lao động của Việt Nam. Tuy ông từng giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng nhiều người biết ông như là một nhà hoạt động xã hội, người sáng lập và là chủ tịch Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh. Ông còn có các tên gọi khác là Sáu Tường, Ba Công, Tám Kiến, Mười Bền, sinh năm 1930 tại xã An Xuyên, tổng Quản Long, quận Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu (nay thuộc thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), trong một gia đình trung nông. Sau năm Mậu Thân 1968, gia đình ông di cư về ấp Ba Tiềm xã Phú Mỹ huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau cho đến ngày nay. Ngay tại nơi gia đình ông sinh sống, hiện

	nay, ngôi trường THCS mang tên ông nằm ngay trên mảnh đất được người nhà của ông hiến tặng để xây dựng trường học. Tháng 8 năm 1945, khi Việt Minh khởi nghĩa giành chính quyền, ông tham gia Ủy ban Nhi đồng Cứu vong, rồi làm Cán bộ Thanh niên phụ trách Thiếu nhi xã Phú Mỹ, cán bộ Mặt trận Việt Minh. Tháng 12 năm 1947, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (Chính thức: tháng 3 năm 1948), làm cán bộ Huyện ủy huyện Ngọc Hiến. Từ tháng 12 năm 1950 đến 1952, ông lần lượt giữ các chức vụ Huyện ủy viên huyện Ngọc Hiến phụ trách Tuyên huấn, Trường Đảng, Giám đốc Trường Bồi dưỡng Văn hóa. Từ 1953 đến 1955, ông là Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Trưởng ban Tuyên huấn, Trưởng Thông tin Ban Văn nghệ huyện Ngọc Hiến. Sau Hiệp định Genève, ông không tập kết ra Bắc mà được Xứ ủy giao nhiệm vụ bí mật ở lại miền Nam, Từ năm 1956 đến tháng 8 năm 1959, lần lượt giữ các chức vụ Phó Bí thư rồi Bí thư thị xã Bạc Liêu, Bí thư thị xã Sóc Trăng, Tỉnh ủy viên Sóc Trăng. Tháng 9 năm 1959, sau khi Nghị quyết 15 phổ biến vào Xứ ủy Nam Bộ, ông được Xứ ủy điều về công tác ở Khu ủy Sài Gòn – Gia Định. Tháng 5 năm 1960, ông bị Đoàn công tác đặc biệt miền Trung của chính quyền Việt Nam Cộng hòa bắt giam vì phát hiện ông có dính líu đến các hoạt động chống chính quyền, mãi đến tháng 1 năm 1964, sau khi các tướng làm đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm, rồi tướng Nguyễn Khánh "chỉnh lý" lật đổ các tướng, ông mới có cơ hội thoát ra do sự rối loạn của chính quyền. Mãi đến cuối tháng 8 năm 1964, ông mới móc nối lại được với tổ chức và trở lại công tác trong Khu ủy Sài Gòn – Gia Định, lần lượt giữ các chức vụ: Ủy viên Thường vụ, Phó Bí thư Ban Cán sự cánh đô thị; Ủy viên Thường vụ Phân Khu ủy Phân khu 5. Từ năm 1967 đến năm 1969: Khu ủy viên dự khuyết, Phó Bí thư Phân Khu ủy cánh đô thị; Bí thư Ban Cán sự đô thị – Phân khu 1; Bí thư Liên Quận ủy quận 4. Từ năm 1970 đến 1975: Khu ủy viên, Trưởng Phân ban Đông Bắc; Bí thư Phân ban Thành ủy nội thành; Bí thư, Chủ tịch quận Bình Hòa. Từ tháng 6 năm 1975, ông giữ các chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, phụ trách khối Dân vận Mặt trận, Trưởng ban Tổ chức Thành ủy thành phố Sài Gòn (sau đổi thành Thành phố Hồ Chí Minh). Từ tháng 10 năm 1980 đến tháng 10 năm 1986: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Nông nghiệp Thành ủy, Trưởng Phân ban Nông thôn Thành ủy; Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân TP phụ trách Nông nghiệp Thành ủy. Từ tháng 10 năm 1986, ông giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân TP, Trưởng ban Kinh tế Đối ngoại thành phố. Dưới sự hậu thuẫn của tân Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh (nguyên Bí thư Thành ủy), ông cùng các lãnh đạo thành phố bắt đầu thực hiện các bước "Đổi mới" của Đại hội VI.
--	---

		Tháng 4 năm 1987, ông được bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 8, Tháng 3 năm 1989, ông được cử làm quyền Chủ tịch ủy ban nhân dân TP, thay cho Chủ tịch Phan Văn Khải ra Trung ương nhận chức Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Tháng 5 năm 1989 ông được bầu làm Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và giữ chức vụ này cho đến năm 1992. Tháng 3 năm 1992, ông xin từ chức với lý do sức khỏe vì bệnh viêm thanh quản. Ông qua đời vào ngày 16 tháng 8 năm 2007.
04	• Tên nhân vật	THÁI VĂN LUNG (1916 - 1946)
	• Phân loại	Liệt sĩ
	• Nguồn tư liệu	Từ điển nhân vật lịch sử/Đình Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh.- H : Giáo dục, 2004.- Tr. 306 – 307
	• Tóm tắt tiểu sử	Ông quê ở Thủ Đức, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh), xuất thân trong một gia đình Công giáo giàu có. Ông Sang Pháp học trường Luật, rồi về nước làm nghề luật sư. Ông sớm đến với cách mạng, tháng 3 năm 1945 đã đứng trong hàng ngũ Thanh niên Tiền phong Sài Gòn - Chợ Lớn. Cuộc kháng chiến bùng nổ ở Nam Bộ (23-9-1945), Thái Văn Lung bị thực dân Pháp bắt, rồi tra tấn dã man, nhưng vì không có chứng cứ nên chúng đã phải thả ông ra. Đầu năm 1946, ông ra căn cứ tham gia kháng chiến. Chẳng may sa vào tay giặc, ông giữ thái độ bất khuất trước mọi thủ đoạn ác độc của kẻ thù. Ông còn động viên người vợ cũng trong nhà tù cố gắng giữ vững chí khí cách mạng. Ông bị kẻ thù giết hại trong tù năm 30 tuổi, nêu cao gương sáng một trí thức yêu nước cách mạng.
05	• Tên nhân vật	PHÓ ĐỨC CHÍNH
	• Phân loại	Danh nhân
	• Nguồn tư liệu	Báo Điện tử Đảng cộng sản Việt Nam
	• Tóm tắt tiểu sử	Danh nhân Phó Đức Chính sinh năm 1907 trong một gia đình Nho học tại làng Đa Ngu (nay thuộc xã Tân Tiến), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Ông học trường Cao đẳng Công chính Hà Nội. Tháng 12/1927, ông tham gia thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng, là một trong những thành viên lãnh đạo của Tổng bộ, phụ trách công tác tổ chức và phát triển đảng. Sau khi tốt nghiệp, Phó Đức Chính được bổ nhiệm sang Lào làm việc. Ngày 9/2/1929, Việt Nam Quốc dân Đảng cử Nguyễn Văn Viên ám sát trùm mộ phu Bazin ở Hà Nội. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố, Phó Đức Chính bị bắt đưa về nước. Không có bằng chứng để buộc tội nên chúng phải trả tự do cho ông. Trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái (9/2/1930), Phó Đức Chính được giao nhiệm vụ đánh đồn Thông (Sơn Tây). Do chênh lệch về lực lượng, tổ chức còn lỏng lẻo, chưa có sự chuẩn bị kỹ lưỡng nên cuộc khởi nghĩa Yên Bái bị thực dân Pháp phản công và dập tắt. Ngày 15/2/1930, Phó Đức Chính bị kẻ địch bắt tại làng Nam An, tổng Cẩm Thượng, huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây. Ngày 27 và 28/3/1930, Phó Đức Chính cùng nhiều chiến sỹ Việt Nam Quốc dân Đảng bị đưa ra xét xử tại Hội đồng Đề hình Yên Bái. Khi chủ tọa hỏi có chống án không? Ông chỉ cười và đáp lại: “Đời người ta làm có một việc, hồng cả một việc, sống nữa làm chi?”.

		Sau khi bị kết án tử hình, thực dân Pháp chuyển ông và các chiến sỹ về giam tại Nhà tù Hỏa Lò chờ ngày thi hành án. Ngày 16/6/1930, ông và 12 yếu nhân của Việt Nam Quốc dân Đảng bị áp giải lên nhà tù Yên Bái để hành quyết bằng máy chém vào rạng sáng ngày 17/6/1930.
06	• Tên nhân vật	LÂM VĂN LỊCH
	• Phân loại	Anh hùng LLVT Nhân dân
	• Nguồn tư liệu	Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cà Mau
	• Tóm tắt tiểu sử	Đại tá Phi công, anh hùng LLVT Nhân dân Lâm Văn Lịch sinh năm (1932 – 2015) quê quán tại xã Định Thành, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (nay là Cà Mau). Ông là một trong những phi công đầu tiên của Không quân nhân dân Việt Nam. Năm 1954, ông tập kết ra Bawcsc tiếp tục học tập và đứng trong lực lượng quân đội. Cuối năm 1960, ông cùng đồng đội được tuyển chọn học huấn luyện lái máy bay chiến đấu suốt 04 năm tại Trung Quốc, chuẩn bị cho việc xây dựng lực lượng Không quân Việt Nam. Về nước năm 1964, ông phục vụ tại trung đoàn không quân 921 Sao Đỏ anh hùng. Năm 1965, Liên Xô viện trợ cho Việt Nam một số máy bay tiêm kích MIG 21. Ông cùng 16 phi công khác lại được tuyển chọn sang Liên Xô huấn luyện điều khiển máy bay này. Thời điểm đó, Không quân đã có Trung đoàn không quân 923 Yên Thế chuyên sử dụng MIG 21, còn trung đoàn 921 Sao Đỏ sử dụng máy bay tiêm kích MIG 921 chuyên về đánh đêm. Đế quốc Mỹ tiếp tục leo thang đánh phá miền Bắc, máy bay của không quân Việt Nam còn ít, rất mỏng về số lượng, lạc hậu về kỹ thuật, vũ khí nhưng những phi công Việt Nam tỏ rõ ý chí, sức mạnh thần kỳ trong cuộc đối đầu với kẻ thù to lớn, vũ khí hiện đại hơn gấp trăm lần. Đã có nhiều trận không chiến điển hình “có một không hai” trên bầu trời miền Bắc khiến cho không quân Mỹ kinh hoàng, khiếp sợ. Trong đó có trận đánh trong lần xuất kích đầu tiên với MIG 17 của phi công Lâm Văn Lịch trên bầu trời Hòa Bình đêm 3-2-1966. Ông được thưởng huân chương chiến công hạng nhất, 01 Huân chương chiến công hạng nhì và các bằng khen và giấy khen các loại. Ngày 01 tháng 01 năm 1967, Lâm văn Lịch được Chủ tịch nước phong tặng Anh hùng LLVT Nhân dân. Ông mất năm 2015 tại Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
07	• Tên nhân vật	CAO LỖ (277- 179) TCN
	• Phân loại	Nhân vật lịch sử
	• Nguồn tư liệu	Từ điển nhân vật lịch sử VN-nxb giáo dục- xb năm 2005, Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh biên soạn; trang 300
	• Tóm tắt tiểu sử	Ông họ Cao tên Lỗ, lại có tên là Thông, người ở bộ Vũ Ninh (Bắc Ninh). Thời trẻ, giỏi võ nghệ, được người địa phương tôn làm Đô Lỗ. Sau theo An Dương Vương đánh giặc, nhờ lập được nhiều công, ông được phong tước Hầu. An Dương Vương xây thành Cổ Loa, được Rùa vàng giúp. Thành xây xong, Rùa vàng lại tặng vua chiếc móng. Vua bèn giao cho ông chiếc móng đó để làm thành cái lẫy nỏ thần. Truyền rằng, nỏ thần cực mạnh, bắn một lúc hàng trăm mũi tên, tiêu diệt được hàng trăm tên giặc, do đó được gọi là Linh Quang thần nỏ. Triệu Đà đem quân xâm lược Âu Lạc. An Dương Vương dàn quân chiến đấu, dùng nỏ thần diệt giặc. Quân Triệu Đà thua to, phải rút về nước. Biết ta có nỏ thần lợi hại, Triệu Đà tìm cách cho con sang làm rể An Dương Vương, để mong phá được nỏ thần. Ông và Nội hầu hết lời can ngăn An Dương Vương chớ mắc mưu

		giặc, nhưng vua không nghe. Trọng Thủy lấy Mỵ Châu rồi, vừa tìm cách phá nỏ thần, vừa tìm cách li gián An Dương Vương với các tướng giỏi. An Dương Vương cả tin, đã đuổi ông về quê. Đau đớn vì sự dối xử đó, ông ra về, không quên dặn lại vua: “Giữ được nỏ này thì làm vua thiên hạ, không giữ được nỏ này thì mất thiên hạ”. Nhưng, An Dương Vương chủ quan đã để cho Trọng Thủy phá mất lấy nỏ. Rồi, Triệu Đà lại xuất quân xâm lược. An Dương Vương phải tự vẫn. Đất nước rơi vào tay quân xâm lược. Ông đã mất trong cuộc chiến đấu sống mái với kẻ thù. Ông mất thọ 98 tuổi.
08	• Tên nhân vật	TRẦN NGUYỄN HẪN
	• Phân loại	Nhân vật lịch sử
	• Nguồn tư liệu	Từ điển nhân vật lịch sử/Đình Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh.- H: Giáo dục, 2004.- Tr.202-204
	• Tóm tắt tiểu sử	Trần Nguyễn Hãn (1390 - 1429) là nhà quân sự Đại Việt thời Lê sơ. Ông là người thuộc dòng dõi nhà Trần, nổi bật với việc tham gia khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống sự đô hộ của đế quốc Minh. Ông từng giữ chức Tư đồ (1424-1425), Thái úy (1427), chỉ huy các trận đánh giải phóng Tân Bình, Thuận Hóa (1425-1426), bao vây Đông Quan, công phá thành Xương Giang và chặn đường tiếp tế của quân Minh trong chiến dịch Chi Lăng - Xương Giang (1427). Cuộc khởi nghĩa thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, tức Lê Thái Tổ (1428). Trần Nguyễn Hãn được phong làm Tả tướng quốc. Nhưng về sau vì tính đa nghi, Thái Tổ bắt tội ông khiến ông tự sát năm 1429. Đến đời Hoàng đế Lê Nhân Tông, ông mới được ân xá và khôi phục chức vị. Trong hàng ngũ các quan văn võ dưới quyền Lê Lợi, Trần Nguyễn Hãn luôn là viên quan cao cấp nhất.
09	• Tên nhân vật	NGUYỄN VĂN LANG (1942 – 1967)
	• Phân loại	Anh hùng LLVT Nhân dân
	• Nguồn tư liệu	Từ điển nhân vật lịch sử VN; XB 1991; Tr.246; Tác giả Nguyễn Quang Thắng – Nguyễn Bá Thề.
		Nguyễn Văn Lang (Sáu Nghĩa) quê quán ấp 3 xã Tân Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Cà Mau (nay thuộc khóm 3, phường Tân Thành, tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tham gia cách mạng tháng 10 năm 1955. Từ năm 1955 đến năm 1965 ông đảm nhiệm các chức vụ: đội vũ xã Tân Thành; giao liên mật xã Tân Thành, đội tự vệ vũ trang ấp 3, diệt tề giải phóng ấp 3. Đến tháng 7 năm 1962 được phân công làm B phó du kích xã; Tháng 12 năm 1962 làm B trưởng du kích xã, tác chiến 78 trận Năm 1963 lãnh đạo du kích xã, phá ấp chiến lược, đánh địch bằng 3 mũi giáp công, qua một năm đơn vị được bình bầu khá nhất tỉnh, tác chiến 45 trận; Năm 1964 – 1965 tác chiến 37 trận, lãnh đạo du kích giữ được truyền thống du kích xã Khá nhất cả tỉnh và được bình chọn xã khá nhất miền Nam về thành tích chiến đấu. Tháng 06 năm 1966, thường vụ xã ủy, Phó Bí thư xã ủy, chính trị viên xã đội. Tháng 09 năm 1967, Bí thư xã ủy, chính trị viên xã đội. Từ tháng 4 năm 1962 – tháng 12 năm 1967, đồng chí Nguyễn Văn Lang lãnh đạo đơn vị du kích xã Tân Thành, phối hợp với đơn vị cấp trên tác chiến 163 trận, diệt 421 tên, bị thương 400 tên, trong đó có nhiều tên chỉ huy đầu sỏ ác ôn, thu trên 300 khẩu súng các loại. Đồng chí Nguyễn Văn Lang hy sinh ngày 30 tháng 11 năm 1967.

		Ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 25 tháng 4 năm 2013.
10	• Tên nhân vật	QUANG TRUNG (NGUYỄN HUỆ) (1753 – 1792)
	• Phân loại	Nhân vật lịch sử
	• Nguồn tư liệu	Từ điển nhân vật lịch sử/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh.- H : Giáo dục , 2004.- Tr.202-204
	• Tóm tắt tiểu sử	NGUYỄN HUỆ là anh hùng dân tộc, nhà cải cách lớn, em của Nguyễn Nhạc, anh của Nguyễn Lữ, gốc họ Hồ, thuở nhỏ học với Giáo Hiến. Gặp lúc Quốc phó Trương Phúc Loan chuyển quyền, nhân dân lầm than cực khổ, ông cùng với anh lên vùng Tây Sơn thượng đạo xây dựng căn cứ khởi nghĩa. Năm 1771, cả ba anh em đổi sang họ Nguyễn, dựng cờ chống Trương Phúc Loan tại Tây Sơn hạ đạo (Tây Sơn - Bình Định). Cuối năm 1775, Nguyễn Huệ mới 22 tuổi, lần đầu tiên chỉ huy một đạo quân tập kích vào Phú Yên đánh tan quân Tổng Phước Hiệp, buộc Hiệp phải lui về Vân Phong. Tháng 3 năm 1776, Nguyễn Nhạc xưng là Tây Sơn vương, phong Nguyễn Huệ là Phụ chính. Năm sau, Nguyễn Huệ được cử vào Gia Định, đánh tan lực lượng của họ Nguyễn, bắt giết hại chúa là Nguyễn Phúc Dương, Nguyễn Phúc Thuần, còn Nguyễn Ánh chạy thoát. Năm 1778, Nguyễn Nhạc lên ngôi Hoàng đế, phong ông làm Long Nhượng tướng quân. Trong hai năm 1782 - 1783, hai lần ông đem quân vào đánh Nguyễn Ánh ở Gia Định. Cùng đường, Nguyễn Ánh bỏ chạy sang Xiêm cầu cứu. Cuối năm 1784, quân Xiêm do Nguyễn Ánh dẫn đường, kéo vào Gia Định cướp bóc xâm chiếm nước ta. Nguyễn Huệ bố trí trận phục kích ở Rạch Gầm – Xoài Mút (trên sông Tiền, tỉnh Tiền Giang). Đêm ngày 18 tháng 1 năm 1785, quân thủy và quân bộ do ông trực tiếp chỉ huy đã đánh tan quân Xiêm, diệt gần 4 vạn tên. Nhân đà thắng lợi, tháng 6 năm 1786, ông kéo quân ra Bắc, đánh chiếm Phú Xuân và vùng Thuận Hoá, Đông Hải (Bình - Trị - Thiên). Tướng Trịnh là Quận công Phạm Ngô Cầu bị bắt, Quận Công Hoàng Đình Thê chết trận. Đầu tháng 7, Nguyễn Huệ quyết định đánh ra. Đàng Ngoài, các trấn tướng Nghệ An, Thanh Hoá là Quận công Bùi Thê Toại, Quận công Tạ Danh Thủy đều bỏ chạy. Giữa tháng 7, Nguyễn Huệ ra đến Sơn Nam. Cuối tháng 7, đại quân Tây Sơn đánh tan quân Hoàng Phùng Cơ ở bến Thúi Ái, tiến vào Thăng Long, đánh bại quận chúa Trịnh Khải ở bến Tây Luông. Họ Trịnh đổ, ông tôn phù vua Lê Hiến Tông, kết duyên với công chúa Ngọc Hân (con vua Lê Hiến Tông). Giữa tháng 8, ông trở về Phú Xuân. Năm 1787, Nguyễn Hữu Chỉnh giúp vua Lê Chiêu Thống, phản bội Tây Sơn. Cuối năm đó, Nguyễn Huệ phái Vũ Văn Nhậm, Ngô Văn Sở ra diệt Chỉnh, Diệt Chỉnh rồi, Nhậm tỏ ra kiêu mạn. Đầu tháng 5 năm 1788, Nguyễn Huệ lại kéo quân ra Thăng Long diệt Nhậm và trực tiếp xây dựng chính quyền Tây Sơn trên đất Bắc. Ông thu dụng các cựu thần nhà Lê là Nguyễn Thiếp, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tồn. Được mấy tháng, ông lại trở về Phú Xuân. Cuối năm 1788, bè lũ Lê Chiêu Thống rước 29 vạn quân Thanh do Tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị chỉ huy, kéo xuống xâm lược nước ta. Ngô Văn Sở và Ngô Thì Nhậm lại quân lập phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn, cấp báo cho Nguyễn Huệ. Ngày 24 tháng 11 (âm lịch), ông nhận được tin. Ngày 25 tháng 11, ông lên ngôi vua, lấy hiệu là Quang Trung, làm lễ xuất quân ra Bắc. Ngày 29 tháng 11 ra đến Nghệ An, Quang Trung tuyển thêm quân. Mấy ngày sau, trong lễ thệ sư ở Thọ Hạc, (Thanh Hóa), ông nói “Đánh cho sứ tri Nam quốc

	anh hùng chi hữu chủ” (Đánh cho chúng biết nước Nam ta anh hùng là có chủ riêng), và kêu gọi quân sĩ quyết tâm diệt địch, rồi ra hội quân với Ngô Văn Sở ở Tam Điệp, vạch kế hoạch diệt Thanh, giải phóng dân tộc. Ngày 30 tháng Chạp, Quang Trung hạ đồn Gián Khẩu (Ninh Bình), mùng 3 tết Kỷ Dậu hạ đồn Hà Hồi (Hà Tây), mùng 5 tết (1789) tập trung lực lượng đánh đồn Ngọc Hồi và Đống Đa. Chiến trận xảy ra từ sáng đến trưa, mấy vạn quân Thanh ở Ngọc Hồi bị tiêu diệt, tướng giặc Sâm Nghi Đống ở Đống Đa thất cổ tự tử ; Hứa Thế Hanh, Thượng Duy Thăng bị giết chết. Chủ tướng Tôn Sĩ Nghị và bè lũ Lê Chiêu Thống cuốn gói chạy về Trung Quốc. 29 vạn quân Thanh xâm lược bị đánh bại hoàn toàn. Sau khi quét sạch giặc Thanh, Quang Trung cử phái đoàn do Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích sang Trung Quốc cầu phong, lập lại hòa bình để có thời gian xây dựng lại đất nước. Nhà Thanh đã giảng hoà, phong vương và gửi quà tặng cho Quang Trung. Ông ra chiếu khuyến nông, kêu gọi dân lưu tán về quê sản xuất, khẩn hoang, giảm nhẹ thuế cho dân nghèo. Đồng thời, để kiểm tra hộ khẩu, ông ra lệnh ai cũng phải mang thẻ “tín bài”, cho đúc tiền Quang Trung để lưu thông hàng hoá, lập Viện Sùng chính và cử Nguyễn Thiếp làm Viện trưởng phụ trách dịch sách Hán ra chữ Nôm để làm tài liệu dạy học. Ông chuẩn bị lập kinh đô ở Vĩnh Doanh (Vĩnh, Nghệ An) gọi là Phượng Hoàng trung đô. Ngày 16-9-1792, ông đột ngột mất trong khi mọi cải cách đang được thực hiện. Khi đó ông mới 39 tuổi.
--	--

TÓM TẮT TIỂU SỬ NHÂN VẬT, SỰ KIỆN HUYỆN U MINH

11	• Tên nhân vật	NGUYỄN TRUNG THÀNH
	• Phân loại	Nhân vật lịch sử
	• Nguồn tư liệu	Lịch sử Đảng bộ huyện U Minh
	Tóm tắt tiểu sử	Đồng chí Nguyễn Trung Thành (tên thường gọi Ba Lò Rèn), sinh năm 1929 tại xã Trà Con, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, trú quán xã Khánh An, huyện Trăn Văn Thờ, tỉnh Cà Mau; tham gia cách mạng và vào quân đội tháng 01 năm 1946. Cuối năm 1959, cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước từ phương thức chính trị chuyển sang đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang. Trước yêu cầu bức bách về vũ khí phục vụ chiến đấu, đầu năm 1960, Tỉnh uỷ Cà Mau phân công ông Nguyễn Trung Thành (Ba Lò Rèn) đứng ra gây dựng XQGCM. Trong kháng chiến chống Pháp, ông từng làm trưởng ngành đúc Xưởng 131 Nam Bộ (rèn đúc

	súng ống, lựu đạn...), vì vậy mà có danh Ba Lò Rèn (anh em xưởng gọi thân thương “anh Ba Rèn”). Ông đảm nhận công việc thành lập và lãnh đạo xưởng trong điều kiện đầy gian nan, thiếu thốn. Ban đầu quân số chỉ có 9 người, dụng cụ chỉ vài ba thứ lặt vặt chưa đầy 20 kg. Phải xin gom trong dân từng cây chĩa, phế liệu bằng đồng, gang, thau... để làm vỏ đạn; rồi đi đào từng trái bom lếp vận chuyển về để tháo lấy thuốc TNT. Trình độ, năng lực anh em còn hạn chế. Tuy vậy, ông đã nhanh chóng ổn định tổ chức, chiêu mộ thêm quân số, đào tạo tay nghề, làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, động viên anh em vượt qua khó khăn, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chẳng bao lâu, xưởng trở nên lớn mạnh, đông về quân số, giỏi về chuyên môn, sản xuất được mấy mươi loại vũ khí, góp phần đánh chìm tàu sắt, tiêu diệt đồn bót địch, công sự, hầm ngầm, công sở địch... Danh tiếng của xưởng ngày một vang xa. Cũng từ sự lớn mạnh của xưởng, cuối năm 1960, Quân Khu 9 (gọi tắt “Quân khu”) rút phân nửa quân số để thành lập xưởng Quân khu (T3J). “Anh Ba Rèn có tính cương quyết, đã làm là làm tới cùng. Yêu cầu chiến trường thế nào là ở góc độ người lãnh đạo, anh bằng mọi cách đáp ứng... Anh thường nói: “Biến không thành có, biến khó thành dễ, biến ít thành nhiều. Đã nhiều thì phải làm cho tốt” và nó trở thành khẩu hiệu của xưởng” (lời ông Nguyễn Tấn Phát - Ba Phát). Có một câu chuyện được ông Tám Hải (Đào Hồng Hải, nguyên Trưởng Ban Kỹ thuật xưởng) và các cựu binh hay kể: Những năm 1961-1962, địch thường sử dụng tàu lớn đi càn trên sông Cái Tàu, du kích xã dùng súng trường bắn chỉ trầy xước. Những lần sau đi càn, chúng phát loa: “Thưa quý vị, đây là tàu sắt chứ không phải tàu cây, đừng bắn, trầy nước sơn tổn công sơn lại”. Tức mình, ông Ba Rèn và các cán bộ xưởng đã nghiên cứu sản xuất ra được đạn SSAL và ông trực tiếp chỉ huy bắn, làm thủng 2 tàu sắt cỡ lớn (tàu mặt dựng) của địch. Bọn địch hoang mang, đầu hàng, ta thu toàn bộ vũ khí. Chiến thắng này gây tiếng vang lớn trong cả nước, bẻ gãy được chiến thuật “công sự nổi trên sông” của Mỹ - Diệm. Không chỉ giỏi điều hành, ông còn được đồng đội đánh giá cao trong lối sống. “Ảnh rất dân chủ, rất hoà đồng, vui vẻ với anh em, cả cấp dưới, lính tráng. Sai thì nghiêm chỉnh kỷ luật, nhưng anh em có gì sơ suất thì ảnh kêu lại phân
--	---

		tích, bảo ban nhỏ nhẹ. Chưa bao giờ' nghe ở anh một tiếng chửi thề. Vì vậy mà anh em ai cũng thương” (lời ông Phan Văn Diệp - Năm Diệp). Từ những công lao xuất chúng, năm 1965, ông Ba Rền được phong Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. Cũng từ năm 1965, ông được rút về Quân khu giữ các cương vị Phó rồi Trưởng ban Quân giới Quân khu, Phó Phòng Hậu cần, đặc trách ngành quân giới Quân khu. Ở cương vị mới, ông tiếp tục phát huy bản lĩnh chính trị, tài năng kỹ thuật, vững vàng lãnh đạo xưởng Quân khu bám trụ rừng U Minh, xây dựng công sự, hầm hào, vừa sản xuất vũ khí, vừa lên đường đánh địch bảo vệ địa bàn, hoàn thành xuất sắc cả 2 nhiệm vụ “phục vụ chiến đấu và chiến đấu”. Năm 1976 ông về Cà Mau giữ chức vụ Giám đốc Sở' Công nghiệp Minh Hải. Năm 1987, ông nghỉ hưu.
12	• Tên nhân vật	ĐỖ THỪA TỰ
	• Phân loại	Nhân vật lịch sử
	• Nguồn tư liệu	Lịch sử Đảng bộ huyện U Minh
	• Tóm tắt tiểu sử	Ông Đỗ Thừa tự sinh vào đầu thế kỷ 19, tên đường gọi là ngươn, mất ngày mùng 3 tháng năm (1885), quê ở Lai Dung - Sa Đéc (Đồng Tháp). Ông là con trai trưởng của cử nhân Đỗ Văn Nhân, người phụ tá đắc lực của Bình Tây đại nguyên soái Trương Định, Đỗ Thừa Tự là anh em của anh hùng Đỗ Thừa Luông (Tên thường gọi là Long). Năm 1872, tại khu vực Vàm Cái Tàu (nay thuộc xã Khánh An huyện U Minh), hai anh em là Đỗ Thừa Luông và Đỗ Thừa Tự đã khởi nghĩa kháng Pháp. Nhiều trai tráng trong vùng đã hưởng ứng nhiệt tình. Những chiến sĩ từng theo nghĩa quân Trương Định và anh hùng Nguyễn Trung Trực di tản về vùng Cà Mau sau thất bại hai cuộc khởi nghĩa ở Gò Công - Tiền Giang và trên sông Nhật Tảo ở Kiên Giang cũng tham gia, lực lượng nghĩa quân của hai ông đã lên đến hàng trăm người. Mặc dù chỉ có vũ khí thô sơ như: giáo mác, tầm vong vật nhọn, nhưng nghĩa quân của hai ông đã tập kích gây cho giặc Pháp và chính quyền tay sai lúc bấy giờ nhiều thiệt hại. Binh lính Pháp và quân triều đình đều sợ hãi dững khí và lòng quả cảm của nghĩa quân họ Đỗ. Quân khởi nghĩa cũng đã thắng một số trận thu được súng trường và cả đại bác của Pháp rồi kéo về vùng U Minh hạ. Tham gia khởi nghĩa với anh em họ Đỗ còn có một người Hoa gốc Hải Nam tên là Lồng Ban. Ông Lồng Ban đã được giao nhiệm vụ phối hợp với ông hai Khoa và ông Hải Thầy Tu qua xiêm (Thái Lan) mua vũ khí vừa về đến Vàm Sông Ông Đốc thì bị giặc phát hiện. Người thi bị bắt lưu đày còn vũ khí thì bị tịch thu. Chẳng chịu bó tay, lực lượng khởi nghĩa quân của Đỗ Thừa Luông -

		Đỗ Thừa Tự kéo về trụ sở tại Rạch Lớn, Rạch Nhỏ (sau này là Rạch Hàng Lớn, Rạch Hàng Nhỏ) hàng hai cái cản chặn tàu tây. Năm 1885 tại nơi đây, cuộc chiến đấu không cân sức đã diễn ra ác liệt, Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự và nhiều nghĩa quân khác đã anh dũng hy sinh. Cuộc khởi nghĩa Cái Tàu của hai anh em Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự tuy thất bại nhưng đã làm nung nấu thêm tinh thần và ý chí kháng Pháp của quân và dân U Minh những năm sau này.
13	• Tên nhân vật	TRỊNH MINH HƯỞNG
	• Phân loại	Nhân vật lịch sử
	• Nguồn tư liệu	Lịch sử Đảng bộ huyện U Minh
	• Tóm tắt tiểu sử	Đồng chí Trịnh Minh Hưởng sinh năm 1933, mất năm 1964, quê quán: xã Khánh An nay là xã Nguyễn Phích huyện U Minh tỉnh Cà Mau. Đồng chí là du kích xã, tham gia hoạt động cách mạng vào năm 1956. Đồng chí là người chiến sĩ cách mạng anh dũng và mưu trí. Năm 1960 cùng 2 đồng đội tổ chức 3 mũi tiến công vào 2 sư đoàn (ngụy) đến ấp Khai Hoang càn quét cướp phá. Kết quả diệt được 9 tên địch và bắn bị thương nhiều tên khác. Năm 1963 đồng chí Hưởng tình nguyện làm “cảm tử quân” vào sào huyệt của địch ở Khai Hoang để giết tên phó tổng Thu, biệt danh là Thu Gà Lôi gian ác khét tiếng. Chiều ngày 5/1/1964 khi trời vừa tối đồng chí tiếp cận mục tiêu thấy tên Thu và đồng bọn đang ngồi nhậu ở quán gần nhà. Đồng chí vào nhà thu đoạt khẩu súng cabin và khẩu trung liên, tiến thẳng vào quán nhậu bắn những phát đạn trung liên vào kẻ thù tiêu diệt tên Thu, tên Miêu, và tên Hên còn tên Bê bị thương. Trên đường rút đồng chí còn tước thêm một khẩu súng của tên phòng vệ khi vượt qua kênh zê Rô đồng chí bị bắn trọng thương nhưng đồng chí cố gồng mang ba khẩu súng về điểm hẹn. Do vết đạn xuyên qua ngực quá nặng đồng chí hưởng gửi lời từ biệt mẹ, từ biệt đồng đội quê hương rồi trút hơi thở cuối cùng vào lúc 23 giờ ngày 05/1/1964. Với tinh thần chiến đấu kiên cường, dũng cảm của liệt sĩ Trịnh Minh Hưởng, được công nhận là anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

TÓM TẮT TIỂU SỬ NHÂN VẬT, SỰ KIỆN HUYỆN PHÚ TÂN

14	• Tên nhân vật	13 THÁNG 12
	• Phân loại	Sự kiện lịch sử
	• Nguồn tư liệu	(Nguồn: Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Cà Mau)
	• Tóm tắt nội dung	Thực hiện lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy Nam Kỳ, ngày 26-27/11/1940, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tại Lung Lá Nhà Thề (nay thuộc ấp Trần Độ, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước) về triển khai kế hoạch khởi nghĩa ở 3 khu vực: Khu vực

		I là thị trấn Năm Căn, một số xã lân cận và Hòn Khoai do đồng chí Quách Văn Phẩm, Thường vụ Tỉnh ủy và đồng chí Phan Ngọc Hiến phụ trách; khu vực II là thị trấn Cà Mau và một số xã lân cận do đồng chí Trần Văn Thời, Bí thư Tỉnh ủy phụ trách; Khu vực III là thị xã Bạc Liêu và các quận Giá Rai, Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu do đồng chí Trần Văn Phán, Thường vụ Tỉnh ủy, đồng chí Trần Văn Sớm và một số đồng chí khác phụ trách. Đồng chí Phan Ngọc Hiến được phân công lãnh đạo trực tiếp toàn bộ cuộc Khởi nghĩa tại đảo Hòn Khoai. Qua phân tích tình hình thực tế, Hội nghị đã quyết định chọn Hòn Khoai làm điểm mở đầu cho cuộc khởi nghĩa trong tỉnh. Ở đây, ta có khả năng giành thắng lợi trọn vẹn, tạo khí thế ban đầu và thu nhập thêm được một số chiến lợi phẩm để bổ sung cho lực lượng của ta. Nhưng đến ngày 12/12, Thường vụ Tỉnh ủy nhận được lệnh của Liên Tỉnh ủy Hậu Giang đình cuộc khởi nghĩa. Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ đạo cho các khu vực ngừng khởi nghĩa, phân tán lực lượng, không bạo động. Riêng chi bộ đảo Hòn Khoai không có cách nào chuyển lệnh ngừng khởi nghĩa đến được Đúng theo kế hoạch, 23 giờ 15, đêm 13/12/1940, lực lượng của ta đã mai phục và diệt tên sếp đảo Ôliviê, lực lượng khởi nghĩa đã thu toàn bộ vũ khí gồm: 2 khẩu súng, nhiều đạn dược và quân trang, quân dụng, cuộc khởi nghĩa thắng lợi, giải phóng hoàn toàn trên đảo, ta đã làm chủ được trên đảo nhiều giờ. Lực lượng khởi nghĩa thu toàn bộ chiến lợi phẩm đưa về đất liền, tiếp tục phục vụ cho cuộc khởi nghĩa; khi gần đến đất liền các chiến sĩ gương cao lá cờ đỏ búa liềm và tấm bảng với dòng chữ: “Mặt trận dân tộc Thống nhất phản đến muôn năm!”. Nhân dân Rạch Gốc vui mừng hò reo chào đón đoàn quân chiến thắng. Trong khi đó, các nơi trong tỉnh đều nhận được lệnh ngừng cuộc khởi nghĩa nên về đất liền các chiến sĩ của cuộc khởi nghĩa không liên lạc được với cấp trên, với đồng đội, nhưng lực lượng khởi nghĩa đã linh hoạt, tiếp tục thừa thắng xông lên đánh chiếm đồn Kiểm Lâm ở Thủ Tam Giang, lập thêm nhiều chiến công mới. Thất bại hoàn toàn ở đảo Hòn Khoai, địch đã điên cuồng truy lùng các chiến sĩ của cuộc khởi nghĩa, chúng bắt bớ hàng loạt người dân vô tội mà chúng tình nghi có liên quan đến khởi nghĩa Hòn Khoai, hòng dập cuộc khởi nghĩa của ta trong bể máu. Các đồng chí khởi nghĩa Hòn Khoai vẫn cố gắng di chuyển, nhằm bảo toàn lực lượng... Đến ngày 22/12/1940, các chiến sĩ Khởi nghĩa Hòn Khoai đã bị bắt ở bãi Khai Long. Trong suốt 6 tháng bị thực dân Pháp và tay sai giam cầm, tra tấn với mọi cực hình tàn bạo, nhưng với tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường của người cộng sản khao khát giành độc lập, tự do, các đồng chí vẫn giữ được khí tiết của người cách mạng. Thất bại trước sự gan dạ, dũng cảm các chiến sĩ Khởi nghĩa Hòn Khoai, ngày 12/7/1941, chúng đem 10 chiến sĩ tham gia Khởi nghĩa Hòn Khoai ra pháp trường. Trước cái chết, nhưng các đồng chí vẫn hiên ngang khí phách của người chiến thắng như lời đồng chí Phan Ngọc Hiến trước lúc vĩnh biệt: “Chúng tôi là những người Cộng sản coi cái chết rất bình thường. Chúng tôi sẵn sàng chết để đấu tranh cho đồng bào được ấm no, nhất định những người kẻ thù chúng tôi sẽ tiêu diệt thực dân Pháp! Nhất định Việt Nam sẽ hoàn toàn độc lập!..” và các chiến sĩ khởi nghĩa Hòn Khoai đồng loạt hô vang khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc Pháp
--	--	--

	Đông Dương độc lập muôn năm Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm” Các đồng chí đã anh dũng hy sinh, để lại cho Đảng bộ, quân và dân Cà Mau lý tưởng sống tốt đẹp. Những tấm gương anh dũng, kiên trung, bất khuất của các chiến sĩ Khởi nghĩa Hòn Khoai vẫn còn vang mãi. Chúng ta đời đời ghi nhớ công ơn 10 anh hùng, liệt sĩ khởi nghĩa Hòn Khoai: <table><tr><td>1. Quách Văn Phẩm</td><td>6. Nguyễn Văn Đình</td></tr><tr><td>2. Phan Ngọc Hiến</td><td>7. Lê Tồn Khuyên</td></tr><tr><td>3. Nguyễn Văn Cẩn</td><td>8. Nguyễn Văn Đắc</td></tr><tr><td>4. Nguyễn Văn Cự</td><td>9. Ngô Kinh Luân</td></tr><tr><td>5. Đỗ Văn Biên</td><td>10. Đỗ Văn Sến</td></tr></table> Ý nghĩa và tầm vóc lịch sử của cuộc Khởi nghĩa Hòn Khoai Cuộc khởi nghĩa Hòn Khoai tuy là phát súng cuối cùng của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, nhưng đã giành thắng lợi. Thắng lợi vĩ đại ấy, đã để lại nhiều bài học quý báu và ý nghĩa sâu sắc cho các thế hệ hôm nay và mai sau: Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Hòn Khoai là niềm tự hào lớn lao của quê hương, dân tộc; các chiến sĩ khởi nghĩa Hòn Khoai mãi mãi là tấm gương sáng ngời cổ vũ tinh thần yêu nước, lòng căn thù giặc sâu sắc, tinh thần đấu tranh cách mạng của Đảng bộ, quân và dân trong và ngoài tỉnh. Thắng lợi của cuộc Khởi nghĩa Hòn Khoai đã để lại cho Đảng bộ, quân, dân tỉnh Cà Mau, đặc biệt là lực lượng vũ trang bài học sâu sắc về chủ động, linh hoạt luôn sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Cuộc Khởi nghĩa Hòn Khoai thể hiện tinh thần nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết của Đảng, vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; thể hiện ý chí và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, nêu cao tinh thần tiến công cách mạng cổ vũ phong trào cách mạng trong toàn tỉnh. Chiến thắng của cuộc Khởi nghĩa Hòn Khoai đã đánh dấu sự trưởng thành của Đảng bộ, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy biết chọn điểm khởi nghĩa và thời cơ thích hợp đảm bảo cho thắng lợi. Thắng lợi quan trọng ấy, đã tạo được khí thế cách mạng hào hùng tiến tới cuộc khởi nghĩa Cách mạng Tháng 8 năm 1945 và hun đúc tinh thần đấu tranh cách mạng, quyết tâm chống giặc ngoại xâm, góp phần giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Từ ý nghĩa lịch sử to lớn của cuộc khởi nghĩa Hòn Khoai năm 1940, ngày 13/12 hàng năm đã trở thành ngày truyền thống cách mạng của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Cà Mau. Các chiến sĩ khởi nghĩa Hòn Khoai là tấm gương tiêu biểu tiếp tục tô thắm chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một lòng vì dân, vì nước sẵn sàng “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” . Phát huy tinh thần cách mạng của cuộc khởi nghĩa Hòn Khoai trong thời kỳ mới Những năm trôi qua, nhưng tinh thần tiến công cách mạng của cuộc khởi nghĩa Hòn Khoai vẫn luôn bất diệt, ý chí chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vẫn luôn được Đảng bộ, quân và dân tỉnh Cà Mau noi theo. Bài học về nghiêm	1. Quách Văn Phẩm	6. Nguyễn Văn Đình	2. Phan Ngọc Hiến	7. Lê Tồn Khuyên	3. Nguyễn Văn Cẩn	8. Nguyễn Văn Đắc	4. Nguyễn Văn Cự	9. Ngô Kinh Luân	5. Đỗ Văn Biên	10. Đỗ Văn Sến
1. Quách Văn Phẩm	6. Nguyễn Văn Đình										
2. Phan Ngọc Hiến	7. Lê Tồn Khuyên										
3. Nguyễn Văn Cẩn	8. Nguyễn Văn Đắc										
4. Nguyễn Văn Cự	9. Ngô Kinh Luân										
5. Đỗ Văn Biên	10. Đỗ Văn Sến										

		chính chấp hành, thực hiện Nghị quyết của Đảng luôn được vận dụng có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh nhà qua các thời kỳ cách mạng. Tiếp nối truyền thống của cuộc Khởi nghĩa Hòn Khoai, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Cà Mau luôn nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chú trọng công tác huấn luyện, diễn tập sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng hy sinh bảo vệ Tổ quốc; không ngừng học tập, rèn luyện, phát huy tính chủ động, sáng tạo nhạy bén; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đảng bộ, quân và dân tỉnh Cà Mau đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XV Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
15	• Tên nhân vật	HỒ THỊ KỶ
	• Phân loại	Nhân vật lịch sử
	• Nguồn tư liệu	(Trang thông tin điện tử)
	• Tóm tắt tiểu sử	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Hồ Thị Kỷ sinh năm 1949 ở ấp Cây Khô, xã Tân Lợi, huyện Thới Bình (nay là xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau) trong một gia đình nông dân nghèo, năm 10 tuổi Hồ Thị Kỷ đã được hướng dẫn đưa thư bí mật, đưa tin, năm 12 tuổi được kết nạp vào đội thanh niên tiên phong, sau đó tiếp tục làm giao liên ở ấp, xã. Năm 1968 chị được kết nạp vào Đoàn Thanh niên. Hồ Thị Kỷ tham gia trận đầu vào ngày 25/4/1969, dùng mìn đánh vào Kho Hậu cần của Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 32, phá hủy 1 kho đạn, làm cháy 232 căn trại lính và trên 2.000 lít xăng. Hồ Thị Kỷ được tặng bằng khen. Năm 1969 chị tổ chức nhiều trận đánh biệt động vào thị xã Cà Mau diệt ác ôn và phá hủy kho tàng vũ khí, xe của địch, với những thành tích xuất sắc đó chị được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam Ngày 03/04/1970 chị đưa 10 kg mìn vào đánh Ty Cảnh sát nhưng tình huống diễn ra ngoài dự kiến, không bỏ lỡ thời cơ chị giả vờ làm quen với địch và kịp ấn kíp mìn, một tiếng nổ long trời từ chi phát ra diệt 27 tên ác ôn (trong đó có 01 sĩ quan Mỹ) 03 xe quân sự và bốn địch bị phá sập, là trận đánh mà Hồ Thị Kỷ đã anh dũng hy sinh trong tiếng nổ, chị là biểu tượng của tuổi trẻ anh hùng trên quê hương cách mạng Cà Mau, chị hy sinh để lại muôn vàn tình thương của nhân dân với người con gái 21 tuổi vì nước quên mình. Trong mấy năm làm chiến sĩ biệt động, chị đã đánh 6 trận diệt 46 tên địch, phá hủy nhiều xe, đạn dược, kho tàng của địch. Với thành tích đó năm 1972 chị được truy tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang. Để ghi nhận chiến công oanh liệt của nữ anh hùng, xã Tân Lợi quê hương của chị đã mang tên chị, một trường cấp 3, một đường phố Cà Mau cũng mang tên Hồ Thị Kỷ.
16	• Tên nhân vật	HẢI THUẬN LẤN ÔNG
	• Phân loại	Sự kiện lịch sử
	• Nguồn tư liệu	(Cổng Thông tin điện tử)

• Tóm tắt nội dung	Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1720-1791) người làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Hoàng Hữu Nam, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên). Ông sinh ra trong một gia đình mấy đời khoa bảng (ông, cha, chú, bác, anh, em...) đều học giỏi, đỗ đạt cao và làm quan to trong triều vua Lê - chúa Trịnh. Biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông có nghĩa là ông già lười ở Hải Thượng có lẽ do 2 chữ đầu tiên của tên tỉnh (Hải Dương) và tên phủ (Thượng Hồng) ghép lại (?) nhưng cũng lại có thể do chữ Bàu Thượng là quê mẹ và là nơi Hải Thượng ở lâu nhất (từ năm 26 tuổi cho đến khi mất). Mặc dầu lấy biệt hiệu Lãn Ông, nhưng thực tế chúng ta sẽ thấy “lười” ở đây là lười với công danh, phú quý, nhưng lại rất chăm chỉ đối với sự nghiệp chữa bệnh, cứu người. Lúc nhỏ Lê Hữu Trác theo cha lưu học ở đất Kinh kỳ Thăng Long. Ngày còn đi học, Lê Hữu Trác đã nổi tiếng là học trò hay chữ và đã thi đậu vào Tam trường. Năm 19 tuổi, cha mất nên ông phải thôi học về nhà chịu tang, ít lâu sau ông lại xung vào quân ngũ và theo nghiệp kiếm cung. Nhưng rồi nhận thấy đây là công việc không hợp với ý mình nên chỉ vài năm sau, nghe tin người anh cả mất, Lê Hữu Trác xin ra khỏi quân ngũ, lấy cớ về thay anh nuôi mẹ già 70 tuổi và mấy cháu mồ côi ở Hương Sơn (Hà Tĩnh). Về Hương Sơn không lâu thì Lê Hữu Trác bị ốm nặng trong vòng 2-3 năm liền, chữa trị khắp nơi không khỏi. Chính trận ốm này là bước ngoặt quan trọng đối với cuộc đời của Lê Hữu Trác và nghề thuốc Việt Nam. Số là sau nhiều năm tìm thầy chữa bệnh không kết quả, Lê Hữu Trác nhờ cáng đến nhà một thầy thuốc ở miền Rú Thành, thuộc xã Trung Càn, huyện Thanh Chương (nay là xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An) tên là Trần Độc. Ông Độc thi đỗ cử nhân rồi ở nhà làm thuốc rất được nhân dân trong vùng tín nhiệm. Qua hơn một năm ở nhà thầy thuốc, Lê Hữu Trác đã khỏi bệnh. Cũng phải nói thêm rằng trong thời gian chữa bệnh tại đây, những lúc rỗi rãi Lê Hữu Trác thường hay mượn bộ sách thuốc Phùng thi cầm nang của Trung Quốc để đọc, phần lớn ông đều hiểu thấu. Thầy thuốc Trần Độc rất lấy làm lạ và đã có ý muốn truyền đạt nghề mình lại cho ông. Lúc ông vào tuổi 30, tướng của Chúa Trịnh lại cho người tới vời ông trở lại quân ngũ, Lê Hữu Trác cố ý xin từ và sau đó ông mới quyết chí học nghề thuốc. Lê Hữu Trác viết: “... Cái chí bon chen trong trường danh lợi mình đã vứt bỏ đi lâu rồi, nên xin cớ từ, lấy cớ còn mẹ già không thể đi xa được.” Sau đó ông trở lại Hương Sơn làm một ngôi nhà nhỏ ở ven rừng, quyết chí theo học nghề thuốc. Ông tìm đọc các sách, đêm ngày miệt mài, tiếc từng giây, từng phút. Và cũng từ đây Lê Hữu Trác lấy biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông. Vì nơi ở của Hải Thượng rất hẻo lánh, trên không có thầy giỏi để theo học, dưới cũng chẳng có mấy bạn hiền giúp cho, nên phần nhiều ông phải tự học là chính. Để việc học có kết quả hơn, Hải Thượng đã làm bạn với một thầy thuốc nữa cũng họ Trần ở làng Đỗ Xá gần làng Tĩnh Diệm để mà cùng nhau trao đổi những kinh nghiệm, kiến thức thu thập được trong khi đọc sách. Do kiến thức rộng, chuẩn bệnh, kê đơn thận trọng nên Hải Thượng Lãn Ông đã chữa khỏi nhiều trường hợp khó mà người khác chữa mãi không khỏi. Tên tuổi Hải Thượng vì thế lan rất nhanh khắp vùng Thanh – Nghệ - Tĩnh, ra tới tận Kinh thành Thăng Long. Cũng trong thời kỳ này, cùng với việc chữa bệnh, cứu người, Hải Thượng còn mở trường đào tạo thầy thuốc. Người quanh vùng và các nơi xa nghe tiếng đều tìm đến học rất đông. Ngoài ra, ông còn tổ chức ra Hội y, nhằm đoàn kết
---------------------------	---

	những người đã học xong ra làm nghề và để có cơ sở cho họ liên lạc, trao đổi học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Vừa chữa bệnh, vừa dạy học, Hải Thượng Lãn Ông vừa biên soạn sách, vì ông nghĩ: “Tôi thấy y lý bao la, sách vở chồng chất, chia môn xếp loại tản mạn vô cùng. Những sách do những bậc hiền triết tiên bối luận về bệnh, về ý nghĩa của đơn thuốc, về tính vị bài thuốc có nhiều chỗ chưa nói đến nơi, đến chốn, tất phải thâm tóm hàng trăm cuốn, đúc thành một pho để tiện xem, tiện đọc.” Bộ sách “Y tông tâm lĩnh” (nghĩa là những điều đã lĩnh hội được của những thầy thuốc trước), được Hải Thượng Lãn Ông công phu biên soạn trong gần 10 năm trời, bắt đầu vào lúc ông đã 40 tuổi (1760) và căn bản hoàn thành khi ông tròn 50 tuổi (1770). Nhưng từ đó cho đến một năm trước khi ông mất, nghĩa là trong vòng 20 năm nữa, Hải Thượng còn viết bổ sung thêm một số tập nữa như “Y hải cầu nguyên” (năm 1782), “Thượng Kinh ký sự” (năm 1783), “Vận khí bí điển” (năm 1786). Toàn bộ sách Hải Thượng để lại mà ngày nay chúng ta được thừa hưởng như một tài sản vô giá của nền y học cổ truyền Việt Nam gọi là “Hải Thượng Y tông tâm lĩnh” gồm 28 tập, 66 quyển, bao gồm lý, pháp, phương, dược và biện chứng luận trị về nội khoa, ngoại khoa, phụ khoa, sản khoa, nhi khoa, đậu sởi, nhãn khoa, thương khoa, cấp cứu và cả đạo đức y học, vệ sinh phòng bệnh v.v... Điểm đặc sắc đầu tiên nổi bật của bộ sách “Y tông tâm lĩnh” là Hải Thượng Lãn Ông đã tiếp thu có phê phán, chọn lọc những tinh hoa y học nước ngoài rồi vận dụng những kiến thức cơ bản ấy vào điều kiện cụ thể về khí hậu, về con người và cả về cách suy nghĩ của con người Việt Nam, nhất là những lí luận cơ bản của nền y học Trung Quốc cũng như những kinh nghiệm chữa bệnh của những thầy thuốc trước, của nhân dân lao động, kể cả một số ít giáo sĩ phương Tây khi ấy mới sang Việt Nam ta. Sách viết công phu như vậy nhưng cho đến khi Hải Thượng đã 61 tuổi, được mời lên Kinh đô Thăng Long chữa bệnh cho chúa Trịnh Cán (1781), vẫn chỉ được ông dùng để dạy học và được các học trò của mình chép lại chứ chưa được in ra. Cho nên, mặc dù thấy sự phải lên Kinh đô chữa bệnh cho chúa Trịnh chỉ làm phiền phức, nhưng Hải Thượng muốn nhân dịp này tìm cách in bộ sách. Ông giải bày tâm sự của mình như sau: “Minh lao tâm, tiêu tứ về đường y học đã 30 năm nay mới viết được bộ Tâm lĩnh, không dám truyền thụ cho riêng ai, chỉ muốn đem ra công bố cho mọi người cùng biết. Nhưng việc thì nặng, sức lại mỏng, khó mà làm được. Quí thần hiểu thấu lòng mình, chuyến này ra đi có chỗ may mắn đây cũng chưa biết chừng...” Đọc “Thượng Kinh ký sự” của ông, chúng ta biết được mong ước đó của ông không thành hiện thực, vì rằng đơn thuốc mà ông đưa ra để trị bệnh cho chúa Trịnh còn không được dùng (do các quan thái y của Phủ chúa gièm pha), huống hồ sách thì làm sao mà in ra được. Nhưng dù sao trong chuyến đi này, Hải Thượng cũng đã thực sự vui mừng vì biết rằng các sách thuốc mà ông viết ra không những đã được các học trò của ông sử dụng tại chỗ, mà còn được đưa đi khắp các nơi, kể cả Kinh thành Thăng Long, đem lại ảnh hưởng không nhỏ. Hải Thượng mất đi rồi mà sách vẫn chưa được in ra, rồi chúng lại tản mát khắp mọi nơi. Mãi tới hơn một thế kỷ sau, vào năm 1885 (năm trị vì đầu tiên của Vua Hàm Nghi), may mắn sao, hậu duệ và các thế hệ học trò cùng những người làm nghề y học cổ truyền ở nước ta mới sưu tầm được tương đối đầy đủ và nhờ nhà sư Thanh Cao (trụ trì ở chùa Đồng Nhân, huyện Võ Giàng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cũ) đem khắc ván và in. Nhờ vậy cho đến nay chúng ta mới được thừa
--	---

		hưởng một di sản vô cùng quý giá về y học của Hải Thượng bao gồm tất cả 66 quyển. Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác là một danh y lớn, là niềm tự hào của dân tộc ta. Tuy sống cách chúng ta gần 3 thế kỷ nhưng tư tưởng và phương pháp tiên bộ cũng như thái độ khoa học chân chính của ông vẫn còn là một bài học có tính thời sự nóng hổi và vô cùng quý báu để chúng ta học tập và noi theo.
17	• Tên nhân vật	LÝ VĂN LÂM
	• Phân loại	Nhân vật lịch sử
	• Nguồn tư liệu	Tư Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
	• Nguồn tư liệu	Lý Văn Lâm sinh năm 1941, là con của ông Lý Văn Kiển (Mười Kiển) và bà Nguyễn Thị Tài ở ấp Giồng Kè, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Tháng 7/1959 anh được tổ chức công nhận là nông cốt thanh niên hoạt động trong vùng địch hậu, thuộc khu vực I thị xã Cà Mau. Và cũng từ năm ấy, anh trở thành một đồng chí trong hàng ngũ cách mạng, một chiến sĩ ngoan cường và anh dũng của quê hương. Qua thời gian thử thách, tháng 11/1959, đồng chí Lý Văn Lâm chính thức được công nhận là đội viên đội du kích xã Tân Lợi. Và ngày 20/12/1960, đồng chí được kết nạp vào Đoàn thanh niên cách mạng với niềm vinh dự và tự hào của một thanh niên. Ngày 15/07/1961, đồng chí Lý Văn Lâm được vinh dự đứng vào hàng ngũ Đảng nhân dân cách mạng và được đề bạt làm Trung đội phó du kích xã Lợi An. Tháng 11/1961, vì sơ hở đồng chí bị lựu đạn gài nổ làm mất bàn tay mặt, tay trái cũng bị thương và đôi mắt bị khói thuốc làm mờ đi. Mặc dù tay bị cụt, mắt bị mờ nhưng đồng chí sử dụng vũ khí rất thành thạo và chính xác, mỗi lần đồng chí nổ súng là coi như một tên thù ngã gục. Đại đội anh hùng chiến sĩ thi đua miền Tây Nam Bộ (ngày 17/9/1967) đồng chí vinh dự được cấp trên cho đi dự Đại hội. Và cũng ngay trong cuộc Đại hội này, đồng chí Lâm được Mặt trận Dân tộc giải phóng cùng bộ chỉ huy các lực lượng võ trang nhân dân giải phóng Miền Nam tặng danh hiệu anh hùng Quân giải phóng Miền Nam và thưởng: Một Huân chương quân công hạng ba; một huy hiệu anh hùng; một bằng dũng sĩ quyết thắng cấp I; một huy hiệu Bắc – Nam; một khẩu súng K54 và một khẩu K1. Chiến công nối tiếp chiến công, đồng chí Lý Văn Lâm đã trực tiếp tham gia rất nhiều trận chiến đấu lập nên thành tích vẻ vang. Với khẩu súng trong tay đồng chí đã diệt và làm bị thương hàng trăm tên giặc, bắt sống 4 tù binh, thu nhiều vũ khí, đạn dược cùng nhiều tài liệu quan trọng khác. Ngày 03/9/1969, một lần đồng chí được cấp trên chọn đi dự Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua lần thứ hai ở Tây Nam Bộ. Nhưng trên đường đi vừa đến xã Khánh Bình Đông, bất ngờ lọt vào vòng phục kích của địch, đồng chí cùng với người em trai bị chúng vây chặt. Đồng chí bình tĩnh vừa bắn trả quyết liệt, vừa cùng em mở đường máu thoát ra, thà chết chứ nhất định không cho địch bắt được. Địch nhận thấy đối phương có hai người nên chúng cố đuổi theo bắn vãi đạn như mưa. Biết không thể thoát khỏi, đồng chí cùng em trụ lại sánh vai chiến đấu rất kiên cường đến khi cả hai đều ngã xuống trút hơi thở cuối cùng.

		Đồng chí Lý Văn Lâm, đứa con thân yêu của quê hương Cà Mau, người anh hùng đã hy sinh anh dũng trên mảnh đất cuối cùng của cực Nam Tổ quốc. Đồng chí tuy không còn nữa là một mắt mát lớn lao, đã để lại cho chúng ta một tấm gương chiến đấu sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng cao cả. Để nhớ công lao to lớn của anh hùng Liệt sĩ Lý Văn Lâm, chính quyền cách mạng và nhân dân Cà Mau lấy tên đồng chí đặt tên một xã mới thành lập ven thành phố Cà Mau – xã Lý Văn Lâm – vùng đất mà suốt 10 năm người chiến sĩ du kích đã chiến đấu không rời tay súng.
--	--	--